

Số: /BC-UBND

Đức Nhuận, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là người nghèo trong khu vực rủi ro cao, phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật nhiều lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên kiến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho các kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

1. GIỚI THIỆU CHUNG:

1. Đặc điểm tự nhiên.

Đức Nhuận là một xã nằm ven sông Vệ của huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, có Quốc lộ 1A đi qua khoảng 3 km và Đường Tỉnh lộ (ký hiệu ĐT627B) qua địa phận xã dài 6km. Xã có diện tích tự nhiên là 1.067,97 ha, 3.422 hộ với 15.871 nhân khẩu, được chia tách thành 8 thôn (từ thôn 1 đến thôn 8). Là một xã nằm ven Sông Vệ, hàng năm đều có lũ lụt từ thượng nguồn đổ về mang theo một lượng phù sa trù phú thích hợp cho người dân phát triển nông nghiệp.

Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp Sông Vệ;
- + Phía Đông giáp với xã Đức Thắng;
- + Phía Tây giáp với xã Đức Hiệp;
- + Phía Nam giáp với xã Đức Chánh;

2. Đặc điểm khí hậu:

| TT | Điều kiện khí hậu (Chỉ số ô nhiễm tương đương) | Đặc điểm | | Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của Bộ TNMT 2016) ¹ |
|----|---|----------|--------------|--|
| | | Đơn vị | Tháng xảy ra | |
| 1 | Nhiệt độ Trung bình | 25,8 | | Tăng 1.9oC |

¹ http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBDKH/KBBDKH_2016.pdf

| | | | | |
|---|-----------------------------------|--|---|---|
| | | | | (giá trị dao động khoảng 1.3-2.6oC) (trang 47, 49, kịch bản BĐKH) |
| 2 | Nhiệt độ cao nhất | 40 | Tháng 5,6 | Tăng thêm khoảng 1.6-2.4oC (Hình 5.5, trang 51 – kịch bản BĐKH) |
| 3 | Nhiệt độ thấp nhất | 16 | Tháng 12, tháng 1 | Tăng thêm khoảng 1.6-1.8oC (Hình 5.7a, trang 51 – kịch bản BĐKH) |
| 4 | Lượng mưa Trung bình | 1.915m m | Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau. Tập trung chủ yếu tháng 10,11,12; Lượng mưa phân bố không đều giữa các vùng | Tăng thêm khoảng 25.1 mm (dao động trong khoảng 17.0-33.5mm) (Bảng 5.2a, trang 55) |
| 5 | Lượng mưa Cực trị - cao nhất (mm) | 300mm | | Tăng thêm khoảng 40-50mm/đợt (Hình 5.14a, trang 59) |
| 6 | Diễn biến | | | |
| 7 | Xu hướng hạn | Gia tăng hơn những năm trước đây. Thời gian nắng nóng kéo dài | Thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm | |
| 8 | Xu hướng bão | Xuất hiện ít hơn so với những năm trước đây, nhưng bão mạnh hơn, phức tạp hơn thời gian xuất hiện dài hơn, mạnh hơn. | Thời gian từ tháng 9-12 hàng năm | |

| | | | | |
|----|------------------------------------|---|---|--|
| 9 | Xu hướng lũ | Nước lũ lên nhanh hơn, nước dâng cao hơn. Nhiều cơn lụt xuất hiện bất ngờ. Mỗi năm xuất hiện 1 đến 2 lần. Chủ yếu tập trung vào tháng 10, 11. Có những năm xuất hiện tháng 4 (lụt tiên mãn) | Thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 Tập trung nhiều nhất tháng 10,11. Có những năm xuất hiện tháng 4 (lụt tiên mãn) | |
| 10 | Sóng ngày rét đậm | Dài ngày hơn so với trước đây 7-15 ngày | Thời gian xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau | |
| 11 | Mức nước biển tại các trạm hải văn | Không có | | Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ đèo Hải Văn đến mũi Đại Lãnh) (Bảng 6.7, trang 69 – RCP8.5) |
| 12 | Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão | Ngày càng tăng lên | Từ đầu tháng 10 tháng 12 | Khoảng 0.86% diện tích – tương đương khoảng 514,080ha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 73, 77) |

| TT | Loại đất | Diện tích | Loại hình sản xuất |
|----------|------------------------------------|-----------|---|
| I | Tổng diện tích đất tự nhiên | 1.067,97 | |
| 1 | Đất sản xuất Nông nghiệp | 746,79 | |
| 1.1 | Đất lúa nước | 522,59 | Trồng lúa nước 2 vụ/năm : Vụ Đông Xuân và vụ hè thu |

| | | | |
|-----|-----------------------------|--------|----------------------------|
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm | 214,01 | Đậu, ngô, ớt, rau các loại |
| 1.1 | Đất trồng cây lâu năm | 10,19 | |
| 2 | Đất lâm nghiệp | 17,66 | |
| 2.1 | Đất rừng sản xuất | 17,66 | Cây keo |
| 3 | Đất nuôi trồng thủy/hải sản | 0,98 | |

Thống kê dân số

| TT | Thôn | Số hộ | | | Số khẩu | | |
|----|--------|-------|-------|-----------|---------|-------|-------|
| | | Tổng | Nghèo | Cận nghèo | Tổng | Nam | Nữ |
| 1 | Thôn 1 | 479 | 31 | 60 | 2.016 | 975 | 1.041 |
| 2 | Thôn 2 | 462 | 24 | 46 | 2.157 | 1.054 | 1.103 |
| 3 | Thôn 3 | 585 | 35 | 78 | 2.454 | 1.174 | 1.280 |
| 4 | Thôn 4 | 325 | 16 | 32 | 1.625 | 789 | 836 |
| 5 | Thôn 5 | 394 | 24 | 38 | 2.070 | 984 | 1.086 |
| 6 | Thôn 6 | 513 | 32 | 62 | 2.460 | 1.167 | 1.293 |
| 7 | Thôn 7 | 492 | 35 | 31 | 2.109 | 1.025 | 1.084 |
| 8 | Thôn 8 | 172 | 10 | 15 | 980 | 485 | 495 |
| | Tổng | 3.422 | 207 | 362 | 15.871 | 7.653 | 8.218 |

5. Nhóm đối tượng dễ bị tổn thương :

| TT | Thôn | Đối tượng dễ bị tổn thương | | | | |
|----|--------|----------------------------|---|----------------|------------------|--------------------------|
| | | TE dưới 16 tuổi | Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi | Người cao tuổi | Người khuyết tật | Người bị bệnh hiểm nghèo |
| 1 | Thôn 1 | 312 | 46 | 196 | 66 | 13 |
| 2 | Thôn 2 | 364 | 43 | 160 | 50 | 17 |
| 3 | Thôn 3 | 450 | 66 | 252 | 60 | 15 |
| 4 | Thôn 4 | 386 | 49 | 145 | 53 | 14 |
| 5 | Thôn 5 | 398 | 31 | 140 | 54 | 16 |

| | | | | | | |
|---|-------------|-------|-----|-------|-----|-----|
| 6 | Thôn 6 | 412 | 41 | 210 | 66 | 17 |
| 7 | Thôn 7 | 364 | 38 | 214 | 82 | 11 |
| 8 | Thôn 8 | 197 | 18 | 61 | 29 | 3 |
| | Tổng | 2.883 | 332 | 1.378 | 460 | 106 |

II.KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU :

A.THÔNG TIN CƠ BẢN :

1.Các hoạt động sản xuất kinh doanh :

| TT | Hoạt động SX-KD | Diện tích | Qui mô (% tổng diện tích) | Số hộ/ % hộ tham gia | Thu nhập bình quân người/năm |
|----|--|--|----------------------------|----------------------|------------------------------|
| 1 | 1.Đất Sản xuất nông nghiệp: - Lúa - Cây trồng hàng năm (đậu, ớt , ngô, rau các loại) - Đất trồng cây lâu năm 2. Đất lâm nghiệp 3.Đất nuôi trồng thủy sản | 746,79 ha 522,59 ha 214,01 ha 10,19 ha 17,66 ha 0,98 ha | 69,93% | 90% | |
| 2 | Chăn nuôi 16.410 con -Trâu -Bò -Lợn -Gia cầm | 20 con 2.150 con 8.000 con 45.000 con | | 85% | |
| 3 | Sản xuất lâm nghiệp | 17,66 ha | | | |
| 4 | Buôn bán nh ỏ và tiểu thương | 918 hộ | | | |
| 5 | Sản xuất kinh doanh | 375 hộ | | | |

Nhận xét :

- Trồng lúa: C ảm và n ữ đều tham gia t ừ việc gieo trồng đến chăm sóc và thu hoạch. Tuy nhiên n ữ giới tham gia trồng lúa nhiều hơn (nam 40%, n ữ 60%). lúa v ận động xuân gieo s ạt từ tháng 12, thu hoạch tháng 3 dương lịch; tháng gieo s ạt đúng vào thời gian vào mùa mưa lũ nên làm ảnh hưởng đến s ự phát triển của cây lúa.

2.H atàng cơ sở:

| TT | Cơ s ởh atàng | Năm xây dựng | S ốlượng/Chất lượng | Ghi chú (Ghi rõ hiện trạng như th ế nào) |
|-----|---|-----------------------|---|--|
| 1 | Diện dân dụng | 2010 | Chất lượng tốt, (hàng năm được tu bổ, sửa chữa) | |
| 2 | Đường giao thông - Đường Quốc l ộ - Đường huyện - Đường xã - Đường thôn | 2017 2009 -2015 | 3km 8,6km 17km 16km | |
| 3 | Trường học các cấp - Cấp I: 2 trường (TH B ồĐ ề và TH Năng An) - Cấp II: 1 trường (THCS Nguyễn Bá Loan) | | - 1 trường nhà 2 tầng (Trường TH B ồĐ ề) - Nhà hai tầng 2 d ầy | Trường TH Năng An nằm ở vùng trũng thấp và đã xuống cấp. |
| 4 | Nhà trẻ, mầm non | 2014 | - 3 điểm | - 3 điểm vừa mới xây dựng và tu bổ |
| 5 | Trạm y t ế | 2013 | - 02 tầng | - Đang s ử dụng tốt. Đã đạt chuẩn quốc gia |
| 6 | Công s ở UBND xã Nhà văn hóa thôn: 8/8 thôn đều có nhà văn hóa 1 Nhà văn hóa xã | 2004 2011-2015 | - D ầy chính 2 tầng - 01 hội trường, 01 nhà làm việc của công an | - 01 hội trường, 01 nhà làm việc của công an. Đang xây dựng nhà làm việc của Xã đội. |
| 7 | Nhà trú ẩn đa năng | 2017 | 1 | Nhà cao tầng |
| 8 | Ch ợ (2 ch ợ) | | | 01 ch ợ nằm ở thôn 3 01 ch ợ nằm ở thôn 6 |
| ... | | | | |

***Nhận xét:**

- H ệ thống đường giao thông: Đường quốc l ộ chạy qua địa bàn xã 3km đã được rải nhựa thuận lợi cho việc đi lại, giao thương với các địa phương, vùng miền và phát triển kinh tế; Các tuyến đường liên xã, liên thôn đều đã được bê tông hóa. –Trường Tiểu học: có 2 điểm, tuy nhiên có 01 điểm xuống cấp thiếu các trang thiết bị, phòng học cho các em và có nguy ngập khi lũ lụt xảy ra; Năm 2015 xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

3.Nhà ở:

| | Thôn | S ố hộ | Nhà kiên c ổ | Nhà bán kiên c ổ | Nhà thiếu kiên c ổ | Nhà tạm b ợ |
|---|-------------|--------------|--------------|------------------|--------------------|-------------|
| 1 | Thôn 1 | 479 | 55 | 402 | 19 | 0 |
| 2 | Thôn 2 | 462 | 40 | 401 | 21 | 0 |
| 3 | Thôn 3 | 585 | 241 | 326 | 18 | 0 |
| 4 | Thôn 4 | 325 | 44 | 260 | 21 | 0 |
| 5 | Thôn 5 | 394 | 37 | 342 | 15 | 0 |
| 6 | Thôn 6 | 513 | 64 | 424 | 25 | 0 |
| 7 | Thôn 7 | 492 | 38 | 438 | 16 | 0 |
| 8 | Thôn 8 | 172 | 8 | 158 | 6 | 0 |
| | Tổng | 3.422 | 527 | 2.751 | 141 | 0 |

.Hiện trạng Nhà dân sinh và mức đ ộ rủi ro với thiên tai và BDKH

| Loại Nhà | Tổng s ố hộ | % nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BDKH (*) | % nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BDKH (*) |
|--------------------|-------------|--|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Nhà tạm b ợ | 0 | 0 | 0 |
| Nhà thiếu kiên c ổ | 141 | 106 | 36 |
| Nhà bán kiên c ổ | 2.751 | 1038 | 1.713 |
| Nhà kiên c ổ | 527 | 170 | 357 |

4.Nước sạch v ệ sinh môi trường

| Tên thôn | S ố hộ | Nguồn nước sạch | Nhà v ệ sinh |
|----------|--------|-----------------|--------------|
| | | | |

| | | Giếng đào/khoan | B ể chứa | Trạm cấp nước công cộng/nước máy/T ự chảy | Không có dụng c ụ chứa | T ự hoại | Tạm | Không có |
|------------------|--------------|--------------------|----------|--|------------------------------|--------------|------------|----------|
| Thôn 1 | 479 | 479 | 0 | 0 | 0 | 429 | 60 | 0 |
| Thôn 2 | 462 | 462 | 0 | 0 | 0 | 423 | 39 | 0 |
| Thôn 3 | 585 | 585 | 0 | 0 | 0 | 545 | 40 | 0 |
| Thôn 4 | 325 | 325 | 0 | 0 | 0 | 312 | 13 | 0 |
| Thôn 5 | 394 | 394 | 0 | 0 | 0 | 365 | 29 | 0 |
| Thôn 6 | 513 | 513 | 0 | 0 | 0 | 497 | 16 | 0 |
| Thôn 7 | 492 | 492 | 0 | 0 | 0 | 467 | 25 | 0 |
| Thôn 8 | 172 | 172 | 0 | 0 | 0 | 164 | 8 | 0 |
| Tổng cộng | 3.422 | 3.422 | 0 | 0 | 0 | 3.202 | 230 | 0 |

5. Công tác phòng chống thiên tai:

- Xác định công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Hàng năm UBND xã đều có xây dựng kế hoạch, phương án PCTT-TKCN để tham mưu Đảng ủy tổ chức chỉ đạo thực hiện có sự tham gia phối hợp thực hiện của UBMTTQVN và các đoàn thể xã nhằm giảm tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Chính quyền địa phương đã tích cực chỉ đạo trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua hệ thống truyền thanh cũng như trong các hội nghị, các cuộc họp dân. Hàng năm UBND xã cũng có tổ chức toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã gồm 40 người, trong đó có 5 nữ;

- Trưởng các đoàn thể là thành viên của Ban chỉ huy PCTT-TKCHCN của xã, các thành viên thực hiện nghiêm túc sự điều động, phân công công việc của Trưởng ban; Tuy nhiên Kế hoạch PCTT hàng năm vẫn chưa được các đoàn thể đưa vào kế hoạch hoạt động của tổ chức, đoàn thể; chưa có các chuyên đề truyền thông kiến thức PCTT đến cán bộ, hội viên; việc biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác PCTT chưa được kịp thời.

- Năm 2017 Ban chỉ huy PCTT-TKCHCN đã xây dựng phương án cấp ứng phó phòng chống lũ, lụt, phương án phòng chống thiên tai, có sự phân công nhiệm vụ cấp ứng phó từng thành viên; chuẩn bị phương án di dời cấp ứng phó các thôn, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao; dự kiến đăng ký với các đại lý về lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm ;

*Vấn đề về giới trong phòng chống thiên tai:

Qua đợt đánh giá cho thấy phụ nữ có cơ hội tham gia các lớp tập huấn như tập huấn sơ cấp cứu, kiến thức phòng chống thiên tai; Nam giới thường quan tâm đến thông tin dự báo thời tiết, diễn biến thiên tai nhiều hơn nữ giới vì vậy kiến thức và kỹ năng phòng tránh thiên tai của phụ nữ còn rất hạn chế (70% chị em thiếu kiến thức kinh nghiệm về PCTT). Tỷ lệ nữ tham gia vào Ban chỉ huy PCTT-TKCHCN xã, các thôn còn ít (Mỗi thôn có 01 Chỉ huy trưởng Phụ nữ). Trong xã đa số thanh niên, người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa nên việc huy động nhân lực cho PCTT gặp nhiều khó khăn.

6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai:

- Phương tiện, thiết bị:

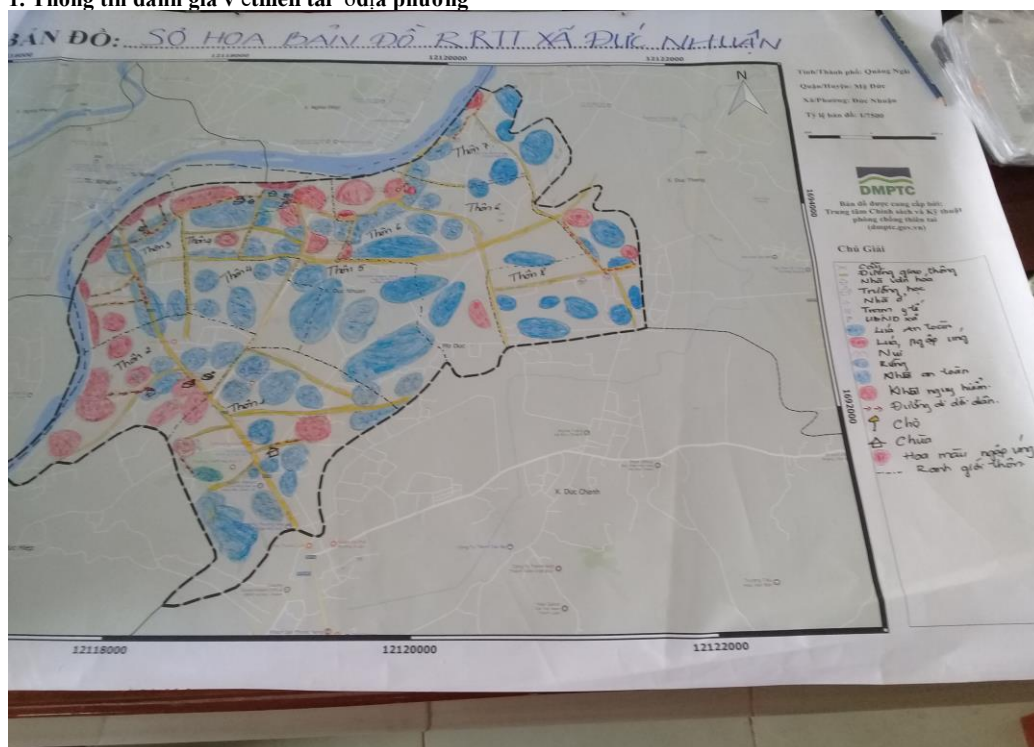
| STT | Lực lượng tại chỗ | Đơn vị tính | S ố lượng | Nơi tập kết, cung ứng | Người quản lý (Họ và tên, chức vụ) | Ghi chú |
|----------|--|----------------|-----------|-----------------------|------------------------------------|---------|
| I | Phương tiện, trang thiết bị đã có | | | | | |
| 1 | Ghe máy | chiếc | 1 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | |

| | | | | | | |
|---|---------------|-------|-----|---------|-------------------------|-----------------------|
| 2 | Ghe chèo tay | chiếc | 9 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | 8 cái cấp cho 8 thôn |
| 3 | Phao cứu sinh | cái | 100 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | 48 cái cấp cho 8 thôn |
| 4 | Áo phao | cái | 100 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | 48 cái cấp cho 8 thôn |
| 5 | Đèn pin | cái | 6 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | |
| 6 | Loa cầm tay | cái | 9 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | 8 cái cấp cho 8 thôn |
| 7 | Lều trại | lều | 2 | UBND xã | Trưởng ban chỉ huy PCTT | |

Công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè, biển báo,...):

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI/BĐKH, TÌNH TRẠNG ĐỀ BỊ TỒN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ ERRT CỦA NGƯỜI DÂN

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương



1.1. Nhận xét chung:

Địa hình xã Đức Nhuận là xã đồng bằng có dòng sông Vệ bao quanh dọc theo chiều dài bắt đầu từ thôn 2 đến thôn 7 thuộc vùng hạ lưu. Hàng năm, cứ đến mùa mưa bão thì lũ lụt đổ về, nước sông Vệ dâng cao chảy xiết vào các thôn trong xã, gây ngập úng nặng, làm thiệt hại rất lớn đến hoa màu,

tài sản của nhân dân. Thậm chí nếu không kịp thời ứng cứu thì sẽ dẫn đến tính mạng của con người. Khi có lũ lớn đ ồng thì ở đây có nhiều vùng bị chia cắt, cô lập rất khó tiếp cận, chủ yếu phải dùng đến ghe, xuồng. Bên cạnh đó, tác động của khí hậu nhiệt đới gió mùa và mang những đặc trưng chung trong vùng khí hậu nhiệt đới đồng nhất, nên các thiên tai trên ngày càng diễn biến phức tạp, không theo quy luật, khó dự đoán. Các biểu hiện cực đoan của biến đổi khí hậu như nắng nóng kéo dài phần nào cũng ảnh hưởng đến kinh tế và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Lũ, lụt: Thường xảy ra từ tháng 9-12, xuất hiện nhiều tháng 10, 11, những năm gần đây lũ, lụt xuất hiện nhiều hơn, nước lên rất nhanh nhưng nước xuống lại chậm, thường xuất hiện bất ngờ; thời gian xảy ra lũ lụt đến muộn hơn.

Vào tháng 11 năm 2013, lụt xảy ra trên địa bàn toàn xã đã làm 50% nhà ở bị ngập; 48 căn nhà bị sập, sạt vách, 11 người bị thương, 60% lúa, hoa màu không thu hoạch kịp; 70% gia súc gia cầm bị trôi, chết; 60% lương thực thực phẩm bị ướt; 7ha diện tích đất sản xuất bị sạt lở bồi tụ; 3,7km đường giao thông, 5,7km kênh mương thủy lợi bị sạt lở, hư hỏng; dịch bệnh xảy ra; thiếu nước sinh hoạt; ô nhiễm môi trường.

Vệ sinh môi trường: Khi phỏng vấn người dân đa số người dân cho rằng từ trước đến nay nước lũ chưa dâng cao, các loại thiên tai ít xảy ra nên họ rất chủ quan, nước lên đến đâu kê đi đâu lên cao đến đó; Lũ lụt năm 2013 nước lên rất nhanh, có 40% hộ gia đình bị ướt trôi tài sản; Qua công tác phân tích giới thiệu cho thấy khi thiên tai xảy ra thường bị ảnh hưởng cao hơn do phải làm công việc nặng nề PCTT do chồng đi làm ăn xa, thiếu nước sinh hoạt, không có nơi vệ sinh làm việc đồng áng vì vậy thường bị mắc các bệnh về y học, ngoài da. Một số hộ gia đình phụ nữ đi làm ăn xa, nam giới ở nhà vừa nuôi con, chăm lo công việc gia đình lại phải chịu áp lực bởi công việc nội trợ. Trong gia đình không phân công rõ ràng, nam thực hiện nhiệm vụ, nữ thực hiện nhiệm vụ trong PCTT; Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương tiện tại chỗ thường hay lúng túng không biết cách xử lý khi xảy ra các tình huống;

1.2. Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1)

| Thời gian xảy ra (1) | Loại hình thiên tai (2) | Đặc điểm và xu hướng của thiên tai (3) | Khu vực (địa điểm bị thiệt hại) (4) | Những thiệt hại, mức độ thiệt hại. (an toàn cộng đồng, SXKD, VSMT) (5) | Nguyên nhân bị thiệt hại. (VC, TCXH, thái độ động cơ) (6) | Đã làm gì để PCTT. (hộ gia đình, các tổ chức,...) (7) |
|----------------------|-------------------------|--|-------------------------------------|--|---|---|
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|--------------------------|----------------|--|----------------|--|--|---|
| <p>Tháng 11/2013</p> | <p>Lũ, lụt</p> | <p>Mưa to kéo dài, nước dâng nhanh Xuất hiện nhiều hơn so với những năm trước đây . Nước lên vào ban đêm; Nước lên nhanh, rút chậm (3 ngày mới rút hết) -X ã lũ thủy điện huyện Tây Trà, Trà Bồng</p> | <p>Toàn xã</p> | <p>1.ATCĐ: * Vật Chất - Vùng trũng, thấp thường xuyên bị ngập lụt: + Tại Thôn 1 có 10% các khu dân cư, trong đó KDC 3, 4 (82 hộ) ngập sâu nhất đến 1.4m (năm 2009, 2013), + Thôn 2: KDC 6, 7 (86 h ộ) ngập khoảng 2m. + Thôn 3: KDC 10A, 10B, 12, 13A, 13B (165 h ộ) ngập khoảng 1 - 2m.+ Thôn 4:KDC 15A (36 h ộ) ngập khoảng 1,5m + Thôn 5: KDC 21, 20B (56) ngập khoảng 1.6m, .+ Thôn 6: KDC 26, 27 (68 h ộ)ngập sâu nhất đến 1,5m (năm 2009, 2013), các KDC 22, 23 (43 h ộ) ngập khoảng 1m.+Thôn 7: KDC 33 (24 h ộ) ngập khoảng 2m.+ Thôn 8: KDC 37 (54 h ộ) ngập khoảng 1m. + Giao thông: -Đường giao thông bị ngập 40%; Sạt l ờ đường giao thông 4km; đoạn đường Cống Đồi ngập sâu 2.5m gây chia cắt các thôn và xã Đức Thắng, Đức Lợi +Thông tin liên lạc:- KDC s ố1A, 1B, 3 thôn 1 và KDC s ố6 thôn 2KDC s ố10A, 12, 13B thôn 3 và KDC s ố18B, 20B thôn 5, KDC s ố17 thôn 4 KDC s ố23, 28 thôn 6 và KDC s ố33 và 34 thôn 7, KDC s ố37 thôn 8 nằm ở khu vực xa loa tuyến thanh nên chậm nhận thông tin về diễn biến thiên tai * SXKD: - Sản xuất nông nghiệp: + Tài sản, lúa bị hư hỏng, ướt chiếm 60% (Nước lên nhanh chuyển không kịp);</p> | <p>*VC: -Nhà không an toàn chiếm 53%; -H ệ thống loa truyền thanh đã bị ú kín địa bàn tuy nhiên các h ộ xa trung tâm không nghe được thông tin cảnh báo của xã; - H ệ thống tiêu thoát nước sinh hoạt không có khi ngập úng đọng lại gây ô nhiễm; - Thiếu phương tiện xuồng cứu hộ -Do vùng trũng, h ệ thống tiêu chưa đảm bảo; *TCXH: -Do địa lý, thấp, trũng; chính quyền địa phương chưa có biện pháp quyết liệt khi thực hiện nhiệm vụ ột ồ chức di dời; -Địa bàn rộng; giao thông chia cắt -Mất điện, các phương tiện liên lạc không sử dụng. - 12% h ộ gia đình chưa có nhà vệ sinh đảm bảo; + Cán bộ t ể mông, ít, chưa hướng dẫn người dân xử lý môi trường sau thiên tai cho tất cả các h ộ dân + 20% h ộ dân chưa làm tốt việc xử lý rác thải; (Mỗi tuần thu gom rác thải một lần). *NTKN: - Do ch ứ quan đến khi nước lũ lên mới di dời nên các tài sản các h ộ bị hư hỏng, ướt - Chưa được gia c ố chằng chống nhà cửa; -Do người dân còn ch ứ quan không di dời tài sản trước; Không nghĩ là nước lên nhanh và lớn như vậy. - Nhận thức, kinh nghiệm về PCTT của một bộ phận người dân còn hạn chế.</p> | <p>-Triển khai KHPCTT ngay từ đầu năm; -Địa phương truyền truyền diễn biến của thời tiết cho người dân. T ồ chức dân đi sơ tán người dân đến nơi an toàn. - T ồ chức cứu hộ các gia đình bị ngập lụt. Đưa người già yếu, đi sơ tán - Cung cấp lương thực, thực phẩm thuốc men, nước uống cho người dân đến nơi sơ tán. B ớ trữ lực lượng di dời, bảo vệ tài sản nơi đi và nơi đến sơ tán, lực lượng trực nơi xung yếu. - Huy động nhân dân làm vệ sinh môi trường, xử lý nguồn nước bằng hóa chất; Trạm y tế xã cung cấp đầy đủ thuốc cloraminB để các h ộ kh ử khuẩn - Các h ộ gia đình ch ứ động khắc phục hậu quả s ầu lũ, lụt. -Thăm hỏi, động viên h ộ gia đình bị thiệt hại nặng -Các đoàn thể, các t ồ chức, nhà hảo tâm thăm hỏi, trong và ngoài xã tặng quà cho các h ộ: M ỹ tâm, tiền... - UBND huyện hỗ trợ gạo cho mỗi khẩu 10kg/ h ộ. - Mặt Trận, Hội CTĐ vai trò chính trong việc vận động kêu gọi, hỗ trợ giúp các h ộ dân. Hội CTĐ huyện hỗ trợ bộ dụng cụ gia đình cho một số h ộ. - Hội ph ụ tình hình trợ trợ lợn giống cho 10 h ộ - UBND huyện hỗ trợ giống lúa, rau màu cho các h ộ bị thiệt hại. - Ch ứ động khắc phục hậu quả s ầu lũ lụt, - Huy động lực lượng sửa chữa giúp người dân khắc</p> |
|--------------------------|----------------|--|----------------|--|--|---|

| | | | | | |
|--|--|--|--|---|--|
| | | | <p>+ Hoa màu bị thiệt hại 60% do ngập nước.</p> <p>+ Giảm năng suất lúa, hoa màu do thiên tai xảy ra;</p> <p>+ Gia súc, gia cầm bị chết, trôi khoảng 70% số gia cầm hiện có</p> <p>* SKVS môi trường:</p> <p>- Chưa có hệ thống nước sạch nông thôn cung cấp cho nhân dân trong khi nguồn nước bị ô nhiễm nhiều do khu chôn lấp tập trung tại núi Điep ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm và nguồn nước sông V ệ bị ô nhiễm do sông V ệ bị ít ít nghẽn do cây ma dương, cây cối, rác thải. Hệ thống mương tiêu ở KDC chưa có, kho thuốc bảo vệ thực vật của nhà nước ở KDC số 2 chưa di dời.</p> <p>Nhiều người dân vẫn còn sử dụng giếng đào: Thôn 1: 3%, Thôn 2: 5% Thôn 3: 5%, Thôn 4: 10%, Thôn 5: 5% Thôn 6: 20%, Thôn 8: 1% nên khi bị ngập lụt các giếng dễ bị ô nhiễm gây nguy cơ dịch bệnh cho nhân dân.</p> <p>Phân thải, rác thải từ chăn nuôi chưa được xử lý nên khi có lũ ảnh hưởng vấn đề ô nhiễm môi trường là nguy cơ lớn của địa phương.</p> | <p>chưa thật sự ạch ục động trong công tác PCTT;</p> <p>Vấn đề giới:</p> <p>- Trong gia đình: Không phân công rõ ràng, nam thực hiện nhiệm vụ gì, nữ thực hiện nhiệm vụ gì trong PCTT;</p> <p>- Khi thiên tai xảy ra nữ bị ảnh hưởng tới sức khỏe nhiều hơn do không có nơi trú ẩn</p> <p>- Công việc dọn dẹp sau thiên tai chủ yếu là nữ.</p> <p>- Số người trong độ tuổi lao động làm ăn xa chiếm khoảng 60%;</p> <p>- Ảnh hưởng trực tiếp đến công tác PCTT như: Khi nam giới vắng nhà chị em gặp lúng túng;</p> <p>- Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương châm tại chỗ thường hay lúng túng.</p> <p>- Các hộ gia đình không phân công các công việc rõ ràng cho các thành viên trong PCTT, không XD kế hoạch PCTT; 98% các hộ gia đình không có radio để nghe các thông tin diễn biến về thiên tai nên khi có diễn biến thiên tai nước lên nhanh đa số người dân bị bất ngờ.</p> | <p>phục hậu quả thiên tai; ra quân làm công tác VS môi trường dọn dẹp vệ sinh làm sạch môi trường sau thiên tai.</p> <p>- Nạo vét, nâng cấp hệ thống kênh tiêu.</p> <p>- Hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương để tránh mùa thiên tai; (từ 3 vụ thành 2 vụ);</p> <p>- Năm 2013 có tổ chức diễn tập, tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn;</p> |
|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | |
|---------------------|------------|--|--|--|---|---|
| <p>Tháng 9/2009</p> | <p>Bão</p> | <p><i>Tần suất xuất hiện ít hơn, cường độ lớn hơn so với trước đây, xuất hiện bất ngờ, thất thường, không theo quy luật.</i></p> | | <p>ATCD: - Vật chất: -Nhà hư: Nhà sập: 08 nhà -Nhà bị tốc mái: 41 nhà - Bị thương 06 người -Gây đổ cây cối -Gây đổ 14 trụ điện -Hư hỏng các thiết bị điện gia dụng với số tiền 305 triệu đồng.</p> <p>SXKD: - Ngừng hoạt động 8 máy xay xát trên địa bàn do mất điện. -Thiệt hại 5ha hoa màu trái vụ -Gia súc, gia cầm bị chết 5.200 con (Gia súc 250 con, gia cầm 4950 con).</p> <p>VSMT: -Môi trường bị ô nhiễm do cây cối bị ngã đổ, xác GSGC chết không được thu gom dọn dẹp kịp thời</p> | <p>- VC: -60% Nhà không an toàn khi có bão; -Đường dây điện đã xuống cấp - Hệ thống điện đến nhà dân đa số còn tạm bợ, dây điện bị mất an toàn khi có mưa to, gió lớn xảy ra</p> <p>- TCXH: Một số hộ dân còn chủ quan và chưa có kinh nghiệm trong công tác phòng chống bão -Chưa có đội cứu hộ cứu nạn chuyên nghiệp - HTX, các Hội đoàn thể xã chưa thường xuyên tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho người dân biện pháp chăm sóc và thu hoạch hoa màu sau khi bão đi qua đi qua;</p> <p>NTKN: -Người dân chưa có kinh nghiệm trong phòng tránh bão; - Người dân chưa chủ động bảo vệ tài sản gia đình.</p> | <p>-Chú ý động chằng chống nhà cửa -Rong phát cành cây cối gần nhà trước khi có bão - Di dời người và tài sản đến nơi an toàn</p> <p>-Hủy động các lực lượng : Đội Thanh niên xung kích, các lực lượng hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai - Thực hiện gieo trồng hoa màu đúng lịch thời vụ -Hỗ trợ giống hoa màu để tái sản xuất - Vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ cho các hộ nghèo và hộ bị thiệt hại sau khi bão đi qua</p> |
|---------------------|------------|--|--|--|---|---|

| | | | | | | |
|----------|---------|-----------------|---------|--|---|---|
| Năm 2017 | Lũ, lụt | Mưa lớn kéo dài | Toàn xã | <p>* ATCD VC: -S ố nhà b ịngập chiếm 30% -Đường giao thông b ịngập. Cống Đồi ngập sâu 2.5m gây chia cắt các thôn và xã Đức Thắng, Đức Lợi</p> <p>* SXKD: Chăn nuôi: - Gia súc, gia cầm b ị chết, trôi khoảng 35% ;</p> <p>* SKVS môi trường: -Ô nhiễm môi trường sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân do xác súc vật chết, rác thải t ừ đầu nguồn chảy về; -Nguồn nước sinh hoạt của các h ộ dân (thiếu nước sinh hoạt trong và sau thiên tai.)</p> | <p>VC:- Các h ộ gia đình nằm trong vùng trũng, thấp; - cơ s ố vật chất: nhà ở đạ s ố không an toàn, - H ệ thống tiêu thoát nước chưa được khơi thông, nâng cấp.</p> <p>TCXH: - Ban ch ị huy PCTT xã và các Hội đoàn th ể xã đã tuyên truyền hướng dẫn nhân dân cách ứng phó với thiên tai;</p> <p>NTKN: - Còn một s ố h ộ gia đình vẫn còn ch ịu nạn không di dời tài sản lên cao;</p> | <p>Ban ch ị huy PCTT xã thông báo diễn biến của thiên tai kịp thời đến người dân;</p> <p>- H ỗ trợ, thăm hỏi kịp thời những h ộ b ị thiệt hại nặng</p> <p>- T ổ chức dọn dẹp v ệ sinh môi trường, x ử lý mô trường sau khi thiên tai.</p> |
|----------|---------|-----------------|---------|--|---|---|

2 ♦ Thông tin đánh giá về Tình trạng d ễ b ị tổn thương:

2.1 Bảng tóm tắt v ề TTDBTT :

| Thiên tai | Lĩnh vực | Tình trạng d ễ b ị tổn thương |
|-----------|----------|-------------------------------|
|-----------|----------|-------------------------------|

| | | |
|-----------------------|---------------------------------|---|
| <p>Lũ, lụt</p> | <p>An toàn cộng đồng</p> | <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà ở: Số lượng nhà không an toàn chiếm khoảng 84%. Cụ thể như sau: Nhà thiếu kiên cố : 141 nhà; Nhà bán kiên cố: 2.751; Nhà có nguy cơ ngập lụt cao: 1.208. Trong đó: Nhà thiếu kiên cố 170; nhà bán kiên cố 1.038; nhà kiên cố 170. Trường tiểu học: có 1 trường chưa kiên cố; Trường tiểu học Năng an và Bờ Đền còn bị ngập khi thiên tai xảy ra - Hệ thống giao thông liên xã, liên thôn: hiện còn một số đoạn nằm trong vùng trũng, thấp, có nguy cơ bị ngập, chia cắt mỗi khi có lũ, lụt; - Hệ thống cảnh báo sớm, cứu hộ cứu nạn: <p>Hệ thống loa đài còn thiếu nên chưa phủ khắp các khu dân cư ở xa trung tâm không thể tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm</p> <p>99% hộ không có áo phao, phao bơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ không có thuyền để sử dụng khi nước lũ dâng lên đột ngột. - 95% hộ không có đài ra đi ô - Đa số hộ dân không có ghe <p>*Tổ chức xã hội- Số lượng n ữ tham gia tiểu ban PCTT tại các thôn còn ít, chưa được tập huấn về phòng chống thiên tai, diễn tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác truyền thông kiến thức PCTT còn hạn chế, chủ yếu truyền khi có thông báo diễn biến của thiên tai. - Việc đơn đốc nhắc nhở, kiểm tra giám sát về PCTT chưa được làm thường xuyên; - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT/TUBĐKH chưa được làm thường xuyên; Luật phòng chống thiên tai, Điều 1002 của Chính Phủ địa phương chưa triển khai đến người dân; - Chưa có sự phối kết hợp thường xuyên giữa các ban ngành đoàn thể, tổ chức xã hội. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức chấp hành của một bộ phận người dân chưa tốt, còn chủ quan; Một số hộ không chấp hành lệnh di dời đến nơi tránh trú; Thiếu kiến thức về PCTT và chưa chú ý động kê cao đồ đạc, chằng chéo nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra. |
|-----------------------|---------------------------------|---|

| | | |
|--|-----------------------------------|---|
| | <p>Sản xuất kinh doanh</p> | <p>* Vật chất: 15.4 km kênh mương chưa được kiên cố hóa.</p> <p>- Đa số kênh mương tưới tiêu chưa được kiên cố hóa; việc nạo vét, tu sửa kênh mương chưa được làm thường xuyên. - Hệ thống chuồng trại chăn nuôi thiếu đảm bảo; chăn nuôi theo hộ gia đình, thiếu hệ thống xử lý chất thải nên dễ gây ô nhiễm môi trường. Chủ yếu chăn nuôi nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp, không có đầu ra ổn định;</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <p>- Công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức về kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi chưa được làm thường xuyên, đối tượng được tham gia ít</p> <p>- Không quản lý được các chất lượng giống, phân bón và các vật tư phục vụ nông nghiệp của người dân.</p> <p>-Khuyến cáo cho người dân gieo trồng đúng lịch thời vụ nhưng không kiểm tra đôn đốc được thường xuyên</p> <p>-Các mô hình Phát triển kinh tế hộ gia đình còn ít; cơ cấu cây trồng chủ yếu là các cây trồng truyền thống; các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn không có.</p> <p>Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>- Chưa có ý thức đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi thích ứng với BĐKH</p> <p>- Hầu hết người dân chưa biết cách sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>-Một số ít người dân có kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi tuy nhiên hiện nay lực lượng ở nhà chủ yếu là người già và trẻ em.</p> |
|--|-----------------------------------|---|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>3.Sức khỏe v ệsinh môi trường</p> | <p>*Vật chất:</p> <p>- Việc tuyên truyền cho người dân ch ứ động khám sức khỏe định kỳ, s ử dụng các loại cây thuốc nam chưa được thường xuyên</p> <p>*T ổ chức xã hội: - Chưa t ổ chức tập huấn cho người dân v ề chăm sóc sức khỏe, v ệ sinh, nước sạch; S ự phối hợp giữa các ban, ngành v ề vận động người dân thu gom rác thải còn hạn chế. Việc x ử lý môi trường sau lũ còn chậm, chưa kịp thời (khoảng 4 - 5 ngày sau lũ) và thiếu phương tiện, nhân lực x ử lý môi trường; Lực lượng y t ế thiếu phương tiện, thiết b ị hoạt động (nhất là dụng c ụ sơ cấp cứu, thuốc PCLB);</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm: 90% người dân không biết s ử dụng các loại cây thuốc nam thông thường. T ừ thuốc gia đình.</p> <p>-80% người dân không ch ứ động đi khám bệnh định kỳ</p> <p>-20% s ố hộ không có ý thức b ẢO v Ệ môi trường, v ệ sinh đường làng ngõ xóm, thực hiện tốt việc thu gom và phân loại rác thải.</p> |
|--|---|--|

2.2.Nhận xét v ề tình trạng d ễ bị t ửn thương:

Nhận xét chung: Vị trí địa lý Đức Nhuận tuy tương đối bằng phẳng nhưng lại nằm ở vùng trũng ven sông Vệ t ừ thượng nguồn chảy qua xã; t ỷ lệ hộ nghèo 6%, cận nghèo 10,57%; nhà ở không an toàn chiếm 84%, H ệ thống thông tin, liên lạc, cảnh báo sớm xa trung tâm, s ố hộ dân tiếp cận được các thông tin cảnh báo sớm loa cầm tay mỗi thôn có 01 chiếc, các thông tin thông báo v ề diễn biến thiên tai ch ứ yếu là trực tiếp, các phương tiện phục v ụ cứu h ộ cứu nạn còn thiếu

Nhận thức v ề rủi ro thiên tai và k ỹ năng thích ứng với BDKH của người dân còn hạn chế, ch ứ quan, trông ch ờ s ự đ ỡ ợ của nhà nước ...Khi thiên tai xảy ra nguy cơ thiệt hại v ề người và tài sản rất cao;

+ **Nông nghiệp:** 90% diện tích trồng lúa, hoa màu nằm ở vùng trũng có nguy cơ ngập lụt cao; Sản xuất nông nghiệp ph ụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, h ệ thống tưới tiêu không đảm bảo; việc áp dụng khoa học, k ỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, ch ứ yếu là trồng các loại cây nông nghiệp truyền thống; Hầu hết các gia đình đều có người đi làm ăn xa.

+ **Thương mại, dịch vụ:** ch ứ yếu là buôn bán nhỏ, khi nước lũ lên nhanh hàng hóa có nguy cơ b ị ướt, trôi, hư hỏng rất cao

+ **Giao thông:** Một s ố hệ thống giao thông thường b ị ngập khi có lũ lụt, đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố ch ứ yếu là đường đất việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn đặc biệt khi thiên tai xảy ra

+ **Môi trường:** Thời gian nước rút chậm gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước trầm trọng; Người dân chưa có kiến thức v ề bảo v ệ tài nguyên nước, môi trường ; Nguồn nước sinh hoạt của người dân dùng giếng khoan, giếng đào, nhưng s ố hộ ch ứ động đ ặt ữ nước trước khi thiên tai xảy ra còn thấp nên thường thiếu nước sinh hoạt khi nguồn nước b ị ô nhiễm

+ **Giáo dục:** Đa s ố các h ộ gia đình có người trong đ ộ tuổi lao động đi làm ăn xa, con cái hầu như đ ể lại ông, bà, hoặc b ố hoặc m ẹ chăm sóc, các em thiếu đi s ự chăm sóc của bố, m ẹ ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng học tập của các em, một s ố em học đến lớp 9 ngh ị học đi tìm kiếm việc làm.

+ **Y tế:** người dân chưa quan tâm đến sức khỏe, chưa đi thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm; khi thiên tai xảy ra hệ thống giao thông bị chia cắt sơ cấp cứu cho người dân gặp khó khăn, nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng cao; Địa bàn rộng, lực lượng y tế mỏng, xử lý vệ sinh môi trường không kịp thời. Sau thiên tai một số bệnh tật phát sinh như: Ngoài da, bệnh sốt vi rút, tiêu chảy... Việc tuyên truyền kiến thức về sức khỏe và vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên.

3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai;

3.1. Bảng tóm tắt về năng lực PCTT

| Thiên tai | Lĩnh vực | Năng lực PCTT |
|-----------|----------|---------------|
|-----------|----------|---------------|

| | | |
|-----------------------|---------------------------------|---|
| <p>Lũ, lụt</p> | <p>An toàn cộng đồng</p> | <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tr ụ s ởUBND có 2 tầng, trường học 3 trường (1 trường THCS, 1 trường tiểu học, 1 trường mầm non) đều nhà cao tầng, trạm y t ế nhà kiên c ó cao tầng làm nơi trú ẩn an toàn; Nhà kiên c ó 527 nhà /3.422 - Điểm sơ tán tập trung gồm: Trạm y tế, UBND xã, Nhà văn hóa xã, 8 nhà văn hóa thôn, Trường mầm non Đức Nhuận cơ s ở 3, Trường THPT s ó 2 M ở Đức. - 98% người dân có tivi đ ể theo dõi thông tin bão lũ - Có h ệ thống loa truyền thanh thông báo tình hình mưa bão. Mỗi thôn đều có 1 loa tay. - 100% dân s ử dụng điện trong sinh hoạt và một s ó tr ụ điện chính đã được kiên cố. Trạm biến th ế đặt trên cao. - Khoảng 29,76km các tuyến giao thông trục chính đã kiên cố. Hiện xã đã có k ế hoạch trong việc kiên c ó hóa, bê tông hóa các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại tại địa phương. - 13/15 loa truyền thanh hoạt động tốt. - Có các phương tiện, vật dụng như dao, cuốc, bao bì khi cần thiết có th ể s ử dụng cho PCTT: Có 17 chiếc ghe. - 37 h ộ dân có xe tải. <p>* T ổ chức xã hội Các thôn đã thành lập tiểu Ban Phòng chống thiên tai (mỗi thôn 7 người, có s ự tham gia n ữ giới) và xây dựng k ế hoạch; các thành viên n ữ tham gia công việc: hậu cần, y tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên t ổ xung kích là nam giới tham cùng đội PCTT của thôn. - Hàng năm địa phương t ổ chức tổng kết công tác PCTT cứu hộ, cứu nạn và xây dựng k ế hoạch PCTT cứu hộ, cứu nạn cho năm sau. - Thôn đã có phương án sơ tán dân, trong đó xác định các đối tượng cần di dời, sơ tán khi có lũ. Phương án được thông báo cho người dân thông qua các cuộc họp và khi triển khai trên h ệ thống loa truyền thanh xã và được thông báo trực tiếp đến từng người dân. - Các Hội, Đoàn th ế tại thôn đã tham gia vào công tác PCTT tại địa phương và ở thôn. - Sau thiên tai, UBND xã và chính quyền thôn t ổ chức đánh giá tình hình thiệt hại trong dân đ ể kịp thời khắc phục. - Có s ự hỗ trợ của các t ổ chức trong và ngoài địa phương cho người dân trong việc khắc phục thiệt hại sau bão, lũ <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 91% người dân thực hiện nghiêm túc yêu cầu của chính quyền trong công tác PCTT và di dời, sơ tán. - Hầu hết người dân ch ứ động chằng chống nhà cửa, chặt tía cây cối. - 10% người dân có k ỹ năng trong công tác sơ cấp cứu. |
|-----------------------|---------------------------------|---|

- | | | |
|--|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none">- Tinh thần tương thân, tương ái giúp đ ỡnhau trong nhân dân được nêu cao, nhất là khi có thiên tai xảy ra.- 85% người dân ch ủđộng d ựtr ữlương thực, thực phẩm khi có thiên tai đáp ứng nhu cầu trong 7 ngày.- Số người biết bơi ch ủyếu là nam giới (10%).- 60% h ệthống tr ụđiện của người dân trong khu dân cư được bê tông- Nhà trường ch ủđộng cho học sinh ngh ỉhọc khi có thông tin bão, lũ ảnh hưởng đến địa bàn. |
|--|--|---|

| | | |
|--|-----------------------------------|---|
| | <p>Sản xuất kinh doanh</p> | <p>* Vật chất: Các tuyến kênh đã được kiên cố: 8.20km.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6,99km giao thông nội đồng đã được cứng hóa - 60% người dân có máy bơm nước có thể sử dụng bơm nước để tưới tiêu cho cây trồng. - Có 24 máy gặt đập liên hợp (Thôn 1: 2 cái, Thôn 2: 6 cái, Thôn 3: 1 cái, Thôn 4: 2 cái, Thôn 5: 2 cái, Thôn 6: 4 cái, Thôn 7: 6 cái, Thôn 8: 1 cái) giúp nhân dân trong việc thu hoạch nông sản - 20% chuồng trại cho gia súc đã được kiên cố, nâng cao nền có thể chống lũ hàng năm đảm bảo an toàn. <p>*TCXH:</p> <p>Hàng năm, Trung tâm khuyến nông đã tổ chức tập huấn về sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, đã có 50% người dân được tham gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thôn 1, 3, 5 đã có mô hình trang trại nuôi heo, nuôi gia cầm. - Sau lũ chính quyền đã hỗ trợ nhân dân tái sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai (hỗ trợ giống lúa, rau màu,...). - Các loại giống lúa cho từng thời vụ được ngành nông nghiệp thông báo đến người dân. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ: - Người dân tuân thủ về giống cây trồng và lịch thời vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ động dự trữ phân, rơm rạ cho trâu bò để sử dụng. - Người dân đã biết cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ cho cây trồng - Đa số người dân chủ động di dời trâu, bò lên vùng cao để tránh lũ. - Hàng năm chủ động nạo vét kênh mương tiêu thoát nước. - Có tinh thần giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả sau mưa lũ. <p>..</p> |
|--|-----------------------------------|---|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</p> | <p>* Vật chất: - 98% người dân sử dụng nhà vệ sinh đảm bảo.</p> <p>- Xã đã tổ chức thu gom rác tập trung: Thôn 1: 80%, Thôn 2: 70%, Thôn 3: 80%, Thôn 4: 90%, Thôn 5: 80%, Thôn 6: 80%, Thôn 7: 75%, Thôn 8: 80%.</p> <p>- Trên các cánh đồng có nơi tập trung rác, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Đa số người dân đã sử dụng nước uống khi có lũ và sử dụng thuốc ClominB để khử trùng giếng nước sau thiên tai.</p> <p>*Tổ chức xã hội: - Sau lũ y tế thôn đã thực hiện việc xử lý nguồn nước, khử trùng môi trường, xử lý xác súc vật chết.- Có tổ chức y tế đến cấp thôn (01 cán bộ/ thôn)</p> <p>- Chính quyền thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho người dân về bảo vệ môi trường và phòng bệnh sau bão lũ.</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm- Đa số người dân đã tham gia bảo hiểm y tế (Thôn 1: 80%, Thôn 2: 70%, Thôn 3: 75%, Thôn 4: 90%, Thôn 5: 75%, Thôn 6: 70%, Thôn 7: 75%, Thôn 8: 93%).</p> <p>- Sau lũ người dân chủ động xử lý các điểm ô nhiễm đất bồi lấp, xử lý và chôn xác súc vật chết đảm bảo vệ sinh môi trường; Sau lũ người dân chủ động tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường; Hầu hết người dân có ý thức trong việc thu gom rác, xử lý môi trường sau lũ.</p> <p>- Người dân hỗ trợ, giúp đỡ nhau dọn dẹp vệ sinh khắc phục hậu quả sau bão.</p> |
|--|---|--|

3.2. Nhận xét về năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH :

Nhận xét chung:

Hệ thống giao thông đường bộ được kiên cố hóa, các trường học, trạm y tế, lưới điện, đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân đặc biệt trong công tác thiên tai Chính quyền địa phương, tạo điều kiện và hỗ trợ người dân trong phát triển sản xuất, thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân trong phòng chống thiên tai, qua đó nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao, có hiểu biết, kinh nghiệm nhiều hơn đối với vấn đề biến đổi khí hậu và công tác phòng chống rủi ro thiên tai.

Năng lực PCTT, BĐKH theo giới: Nam được tiếp cận các chương trình tập huấn, tham gia Ban chỉ huy PCTT nhiều hơn nữ, trong gia đình nam là người được tiếp cận nguồn lực nhiều hơn nữ, nam có quyền quyết định trong gia đình nên hoạt động sáng tạo trong công việc; nam có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, cơ hội thăng tiến, học hỏi kinh nghiệm; Nữ là người chăm lo công việc gia đình nên học hỏi kiến thức kinh nghiệm về chăm sóc con cái, cất giữ đồ đạc trong gia đình, cần cù chịu khó, một số chị em có nhiều kinh nghiệm hoạt động xã hội, đã chủ động xây dựng nguồn lực, phát triển kinh tế hộ gia đình.

+ Sản xuất nông nghiệp:

Diện tích cây lúa 522,97, năng suất bình quân 66,5 tạ/ha, Cây Ngô 190 ha năng suất bình quân 62,1 tạ/ha. Xã đã tiến hành dồn điền, đổi thửa được 03 cánh đồng mẫu lớn. Trồng các loại giống lúa mới, chất lượng, năng suất cao. Một số vốn đầu tư 24 máy gặt đập liên hợp (Thôn 1: 2 cái, Thôn 2: 6 cái, Thôn 3: 1 cái, Thôn 4: 2 cái, Thôn 5: 2 cái, Thôn 6: 4 cái, Thôn 7: 6 cái, Thôn 8: 1 cái) giúp nhân dân trong việc thu hoạch nông sản;

-Dịch vụ, thương mại, du lịch: Năm 2017 giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ là 443,16 tỷ đồng. Có 8 hộ SXKD mới, nâng số hộ kinh doanh lên 375 hộ.

+ **Giáo dục:** Tổ chức cho giáo viên và học sinh tham dự các cuộc thi học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi các cấp; Tỷ lệ học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình 921/967 em, đạt 95,2%; Trường THCS Nguyễn bá Loan tỷ lệ hoàn thành chương trình 700/711 đạt 98,5%

+ **Vệ y tế:** Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tăng cường công tác khám chữa bệnh và phòng ngừa các dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng. Chỉ đạo kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, giám sát dịch bệnh tại cộng đồng và tổ chức dọn vệ sinh, phun thuốc tiêu độc, khử trùng phòng, chống dịch sốt xuất huyết.

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Là địa phương hàng năm chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, nhưng hiểu biết về rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu của người dân còn hạn chế, có kinh nghiệm truyền thống về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, chưa đầy đủ, đặc biệt là việc áp dụng trong điều kiện biến đổi khí hậu chưa nhiều. Những năm gần đây qua hệ thống thông tin đại chúng thì hiểu biết về rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu của người dân ngày càng được cải thiện hơn, thể hiện qua việc làm nhà kiên cố hơn, có dự trữ lương thực thực phẩm trước mùa thiên tai. Nhưng đa số người dân chưa được tập huấn, ít được truyền truyền phổ biến kiến thức về BĐKH. Tuy nhiên với sự phát triển của công nghệ thông tin, những phương tiện nghe, nhìn, hệ thống thông tin đại chúng và công tác tuyên truyền, vận động thì người dân đã hiểu biết hơn về biến đổi khí hậu, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên họ vẫn chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai. Một số người dân ý thức đóng góp cộng đồng cho việc phòng chống thiên tai chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước nên chưa huy động được nhiều nội lực từ nhân dân.

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng cơ anam và nhận thức của nam giới tốt hơn so với nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc và tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, nên hiểu biết về RRTT cũng nhiều hơn nữ giới.

Đánh giá mức độ nhận thức rủi ro thiên tai theo giới:

Qua đánh giá tại 02 cụm thôn cho thấy 75% nam giới cơ bản có kinh nghiệm về PCTT/thích ứng với BĐKH, nữ chiếm 25% (phần lớn những người lớn tuổi); Mặt khác do đặc thù của cơ cấu lao động, phân công công việc các hộ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, những công việc nặng như: chằng chống, gia cố nhà cửa, tham gia đội cứu hộ cứu nạn, hộ đê nam làm là chủ yếu... nên các rủi ro thường phải đối mặt đó là: người có thể bị chết hoặc bị thương, hoặc các rủi ro về áp lực gánh nặng trong gia đình khi họ luôn nghĩ rằng mình là trụ cột gia đình nên khi gia đình gặp thiệt hại do thiên tai, rủi ro bất ngờ có thể làm cho họ bị ảnh hưởng về tinh thần.

Trong khi đó 90% nữ giới tại địa phương chịu trách nhiệm chính về chăm lo công việc gia đình, chăm sóc con cái, 55% nữ tham gia công việc trồng, chăm sóc lúa hoa màu, các rủi ro thường phải đối mặt đó là một số các bệnh liên quan đến nguồn nước do thiếu nước sạch: bệnh phụ khoa, bệnh ngoài da; Khi thiên tai xảy ra công việc chăm sóc con cái, chăm sóc cuộc sống gia đình, các công việc về PCTT họ phải đối mặt với những khó khăn. Có thể bị ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của phụ nữ khi không có nam giới ở nhà.

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH

1. Tổng hợp rủi ro thiên tai:

| Thiên tai | Xu hướng | Rủi ro thiên tai |
|-----------|----------|------------------|
|-----------|----------|------------------|

| | | |
|-----------------------|---|--|
| <p>Lũ, lụt</p> | <p>- Mưa lớn kèm theo nước thượng nguồn đổ ồ ề rất nhanh nhưng nước rút chậm so với trước đây.</p> <p>- Khó d ự đoán</p> <p>- Không theo quy luật. Lũ lụt thường đến muộn hơn so với những năm trước đây</p> <p>- Cường đ ộ càng ngày càng lớn.</p> <p>- Phạm vi ảnh hưởng rộng</p> | <p>* An toàn cộng đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà cửa có nguy cơ b ị sập, tốc mái, hư hỏng khi có lụt, bão 2. Người có th ể b ị chết hoặc b ị thương khi thiên tai xảy ra. 3. Trang thiết bị, dụng c ụ sinh hoạt, tài sản gia đình có th ể b ị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra; <p>* Sản xuất, kinh doanh:</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Mất mùa giảm năng suất lúa, hoa màu 5. Gia súc, gia cầm có th ể b ị chết, b ị trôi khi xảy ra lũ lụt và dịch bệnh 6. Lương thực b ị ướt. 7. Diện tích đất sản xuất b ị sạ bồi thùy phá <p>* Sức khỏe, v ệ sinh môi trường:</p> <ol style="list-style-type: none"> 8. Dịch bệnh cho người 9. Nguy cơ ô nhiễm môi trường sau khi lũ lụt xảy ra |
| <p>Bão</p> | <p><i>Tần suất xuất hiện ít hơn, cường đ ộ lớn hơn so với trước đây, xuất hiện bất ngờ, thất thường, không theo quy luật</i></p> <p>.- Thường kèm theo mưa to</p> | <p>* An toàn cộng đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà cửa có nguy cơ b ị sập, tốc mái, hư hỏng khi có lụt, bão 2. Người có th ể b ị chết hoặc b ị thương khi thiên tai xảy ra. 3. Trang thiết bị, dụng c ụ sinh hoạt, tài sản gia đình có th ể b ị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra <p>* Sản xuất, kinh doanh:</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Mất mùa giảm năng suất lúa, hoa màu 5. Gia súc, gia cầm có th ể b ị chết, b ị trôi khi xảy ra lũ lụt và dịch bệnh 6. Lương thực b ị ướt. 7. Diện tích đất sản xuất b ị sạ bồi thùy phá <p>* Sức khỏe, v ệ sinh môi trường:</p> <ol style="list-style-type: none"> 8. Dịch bệnh cho người 9. Nguy cơ ô nhiễm môi trường sau khi lũ lụt xảy ra |

*** Xếp hạng rủi ro thiên tai:**

Qua phân tích thiên tai và tình trạng đ ể b ị tổn thương, người dân và cán b ộ xã đã xác định được 9 rủi ro thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến người dân toàn xã, tiến hành xếp hạng theo theo bảng sau:

| Rủi ro thiên tai | Cụm thôn (thôn 1, 2, 3, 4) | | Cụm thôn (Thôn 5,6,7,8) | | Tổng nam/nữ | | Tổng cộng | Xếp hạng |
|---|----------------------------|---------|-------------------------|---------|-------------|---------|------------|----------|
| | Nam (9) | Nữ (17) | Nam (18) | Nữ (18) | Nam (27) | Nữ (35) | | |
| 1. Người có thể bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra. | 67 | 145 | 76 | 155 | 143 | 300 | 443 | 2 |
| 2 Nhà cửa có nguy cơ bị sập, tốc mái, hư hỏng khi có lụt, bão | 73 | 172 | 74 | 177 | 147 | 349 | 497 | 1 |
| 3. Trang thiết bị, dụng cụ sinh hoạt, tài sản gia đình có thể bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra | 24 | 35 | 0 | 0 | 24 | 55 | 44 | 9 |
| 4. Mất mùa giảm năng suất lúa, hoa màu | 61 | 116 | 28 | 113 | 89 | 229 | 318 | 5 |
| 5. Lương thực bị ướt | 0 | 0 | 53 | 123 | 53 | 123 | 176 | 6 |
| 6. Gia súc, gia cầm có thể bị chết, bị trôi khi xảy ra lũ lụt và dịch bệnh | 67 | 132 | 57 | 127 | 124 | 259 | 383 | 3 |
| 7. Diện tích đất sản xuất bị sạt lở bồi lấp | 0 | 0 | 21 | 50 | 21 | 50 | 71 | 8 |
| 8. Dịch bệnh cho người | 0 | 0 | 46 | 73 | 46 | 73 | 119 | 7 |
| 9. Nguy cơ ô nhiễm môi trường sau khi lũ lụt xảy ra | 69 | 145 | 45 | 96 | 114 | 241 | 355 | 4 |

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH (xếp theo thứ ưu tiên của người dân)

1. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác PCTT;
2. Nâng cao năng lực cho tổ công tác phòng chống thiên tai ở thôn;
3. Hỗ trợ xây nhà tránh lũ;
4. Trang bị phương tiện phòng chống thiên tai;
5. Trang bị hệ thống truyền thanh;
6. Xử lý môi trường sau thiên tai;
7. Xây dựng hệ thống B ờ kè chống sạt lở ở thôn 3, 4, 5, 6, 7 bờ Nam Sông Vệ;
8. Đảm bảo an toàn lưới điện;
9. Kiên cố hóa hệ thống kênh mương;

*** Các hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp được ưu tiên (Công cụ 9)**

| STT | CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT | ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI | HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP | THỜI GIAN DỰ KIẾN | NGUỒN NGÂN SÁCH DỰ KIẾN | | |
|-----|--|-------------------------------------|---|-------------------|-------------------------|-----------|----------|
| | | | | | NHÀ NƯỚC | NGƯỜI DÂN | HUY ĐỘNG |
| 1 | Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác PCTT | Người dân trong xã | - Khảo sát, XD kế hoạch - Mời lớp tập huấn PCTT; - Tuyên truyền lồng ghép vào các cuộc họp thôn và KDC (Hội phụ nữ, thanh niên, Nông dân...) | 2017-2021 | 70% | 30% | |
| 2 | Nâng cao năng lực cho tổ công tác phòng chống thiên tai ở thôn | Tổ công tác PCTT ở thôn | - Mời lớp tập huấn PCTT- Mua sắm trang thiết bị PCTT: Áo phao, phao cứu sinh, ghe, máy cưa, đèn pin... | 2017 - 2021 | 70% | 30% | |
| 3 | Hỗ trợ xây nhà tránh lũ | Người dân trong xã | Tiếp cận các nguồn vốn vay của Nhà nước và các chương trình, dự án. | 2017 - 2018 | 100% | | |
| 4 | Trang bị phương tiện phòng chống thiên tai | Người dân trong xã | - Mua sắm trang thiết bị PCTT như: Áo phao, phao tròn, ghe, đèn pin...- Tiếp cận các nguồn vốn từ các chương trình và dự án | 2017 - 2021 | 70% | | 30% |
| 5 | Trang bị hệ thống truyền thanh | Chính quyền địa phương và người dân | Mua sắm, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh (06 cụm loa, thôn 3: 02 cụm; thôn 4: 02 cụm, thôn 5: 2 cụm) | 2017 - 2021 | 70% | | 30% |
| 6 | Xử lý môi trường sau thiên tai | Người dân trong xã | - Xử lý nguồn nước, chôn xác súc vật- Tiêu độc khử trùng | Hàng năm | 50% | 50% | |

| | | | | | | | |
|---|---|-----------------------------|--|-------------|-----|-----|-----|
| 7 | Xây dựng hệ thống B ở kè chống sạt lở ở thôn 3, 4, 5, 6, 7 bờ Nam Sông Vệ; | Người dân thôn 3,4,5,6,7 | - Hỗ trợ kinh phí xây mới hệ thống B ở kè Nam Sông Vệ ở thôn 3, 4, 5, 6, 7 khoảng 4,3km. | 2017 - 2021 | 70% | | 30% |
| 8 | Đảm bảo an toàn lưới điện | Người dân trong xã | Chặt tỉa cây cối, kiên cố hóa các trụ điện bằng bê tông | 2017 - 2021 | 50% | 30% | 20% |
| 9 | Kiên cố hóa hệ thống kênh mương | Người dân trong xã | Kiên cố 12,9km kênh mương (Thôn 1: 2km, Thôn 2: 2km, Thôn 3: 2km, thôn 4: 1km, thôn 5: 1km, Thôn 6: 2,4km, Thôn 7: 1,7km, Thôn 8: 800m) | 2017 - 2021 | 70% | 30% | |

D. Kết luận và đề xuất:

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Đức Nhuận, trong thời gian tới cần tập trung tổ chức thực hiện tốt những nội dung sau đây:

I. Đối với UBNDTTQVN và các đoàn thể Xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, đặc biệt là chú trọng trong việc nâng cao hiểu biết, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó khi thiên tai xảy ra, theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải và xử lý triệt để các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Vận động nhân dân và tích cực kêu gọi sự hỗ trợ từ bên ngoài để mua sắm trang thiết bị cần thiết để sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động phòng chống thiên tai và các hoạt động khác.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân dùng lưới đánh bắt cá theo quy định, nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác thủy sản bằng xung điện làm ảnh hưởng đến nguồn lợi sản và môi trường sinh thái.

II. Đối với Đảng ủy, UBND Xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai mới ban hành, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên để xây dựng hệ thống loa truyền thanh toàn xã, nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch phòng chống thiên tai và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

3. Cấp huyện, tỉnh, Trung ương, dự án GCF

Đề xuất các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Đức Nhuận chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Đức Nhuận kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, dự án GCF và các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch PCTT và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề xuất của cộng đồng về PCTT/TU&ĐKH theo từng lĩnh vực như sau:

1. **Nông nghiệp:** Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế chăn nuôi, trồng trọt chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu; Xây dựng hệ thống kênh tiêu, kênh tưới

2. **Môi trường** (đất, tài nguyên nước, không khí): Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cống rãnh thoát nước sinh hoạt và chăn nuôi, nhà vệ sinh, hầm Bioga cho hộ nghèo.

4. **Xây dựng:** Đầu tư xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo, cận nghèo có nhà ở không an toàn;

5. **Y tế:** Xây dựng nhà máy nước cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân địa phương

6. **Giáo dục:** Đầu tư xây dựng nhà mẫu giáo cho các thôn đông dân cư có nguy cơ rủi ro cao kết hợp với nhà tránh trú cộng đồng; Tập huấn kiến thức PCTT, Biến đổi khí hậu, nước sạch và vệ sinh môi trường cho cán bộ, giáo viên, học sinh, người dân. Hỗ trợ kinh phí diễn tập PCTT;

7. **Lao động việc làm:** Đào tạo nghề, tìm đầu ra cho các sản phẩm làm ra của địa phương; Xây dựng, phát triển các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, kêu gọi đầu tư từ bên ngoài phát triển kinh tế tạo công ăn việc làm cho người dân;

8. **Khoa học công nghệ:** Hỗ trợ nghiên cứu các loại cây trồng phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu, thay thế cây trồng truyền thống kém hiệu quả.

Trên đây là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng xã Đức Nhuận thực hiện đánh giá từ ngày 26-29 tháng 3 năm 2018 đã được lãnh đạo xã và các ngành, đoàn thể ủng hộ./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA, Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá

Phụ lục 5. Kế hoạch PTKTXH xã tại năm đánh giá

Phụ lục 6. Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 7. Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá của nhóm

